

Số: **79** /BC-BTTTTHà Nội, ngày **31** tháng **7** năm 2023

BÁO CÁO
TỔNG KẾT THỰC TIỄN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP
NGÀY 05 THÁNG 9 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 452/TTg-KSTT ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc tháo gỡ các “điểm nghẽn” triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương¹ khẩn trương thực hiện tổng kết, đánh giá thi hành và báo cáo tổng hợp, đề xuất Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi là Nghị định) và có báo cáo tổng kết, đánh giá như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về công tác ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định

a) Về việc xây dựng các Thông tư quy định chi tiết thi hành Nghị định

Từ năm 2019, ngay sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông đã kịp thời xây dựng, ban hành 06 Thông tư theo thẩm quyền được giao để hướng dẫn, quy định chi tiết việc thi hành Nghị định, cụ thể:

- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng

¹ Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 2351/BTTTT-CĐSQG ngày 20/6/2023 gửi các cơ quan Trung ương, các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, hiệp hội công nghệ thông tin về việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Đến ngày 20/7/2023, Bộ TT&TT đã nhận được ý kiến của: 02 cơ quan Đảng; 10 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 46 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 02 tổ chức chính trị - xã hội; 02 doanh nghiệp; 01 hội, hiệp hội.

kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 quy định về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT ngày 30/11/2020 quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm.

Bên cạnh đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành các văn bản hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm tuân thủ theo các quy định tại Nghị định.

b) Về việc ban hành các định mức, đơn giá quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá phục vụ công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ chuyên ngành chú trọng, thực hiện và cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực tế. Tính đến nay, đã ban hành được với 09 định mức và 02 đơn giá, bao gồm:

- Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin (Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011, 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin (Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng

Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Định mức kinh tế - kỹ thuật triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở (Quyết định số 1872/QĐ-BTTTT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Đơn giá lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin (Quyết định số 2519/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014, chỉ áp dụng riêng cho Bộ Thông tin và Truyền thông của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường (Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Quy trình kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường (Thông tư số 20/2019/TT-BTNMT ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ (Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

2. Về tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Nghị định và các Thông tư hướng dẫn, quy định chi tiết

Hàng năm, nội dung về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số được Bộ Thông tin và Truyền thông lồng ghép trong các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho đối tượng là các cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước từ Trung ương tới cấp xã thông qua hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp; lồng ghép trong các chương trình bồi dưỡng, đào tạo tập huấn chuyên môn cho 100 Chuyên gia về Chính phủ điện tử, các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, các đối tượng là CIO của các cơ quan nhà nước.

3. Về theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Bộ Thông tin và Truyền thông luôn chú trọng, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng

nguồn vốn ngân sách nhà nước bằng nhiều hình thức khác nhau như:

- Có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tới các bộ, ngành, địa phương (Văn bản số 639/BTTTT-THH ngày 28/02/2022 về việc tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước; Văn bản số 2509/BTTTT-CĐSQG ngày 29/6/2023 về việc tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số).

- Thiết lập và vận hành Hệ thống thông tin phục vụ theo dõi, kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (<https://dautucntt.mic.gov.vn/>). Hệ thống này giúp hỗ trợ theo dõi tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; đồng thời là một kênh tham khảo giá trúng thầu của các thiết bị, sản phẩm, phần cứng, phần mềm thuộc gói thầu công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước đã tổ chức đấu thầu trước đó. Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp tài khoản cho các đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin các địa phương khai thác, sử dụng hệ thống này phục vụ cho hoạt động quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, địa phương mình.

- Tổ chức kiểm tra tình hình tuân thủ, thực hiện pháp luật quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước qua hình thức kiểm tra trực tiếp tình hình tuân thủ Nghị định 73/2019/NĐ-CP tại một số bộ, tỉnh trong năm 2023.

Bên cạnh đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp nhận, giải đáp kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: qua phản ánh, kiến nghị tại cuộc họp, hội nghị; qua các văn bản gửi về; qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ, Cổng Dịch vụ công quốc gia; trao đổi tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số....

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Thời gian qua, việc thực thi Nghị định đã góp phần mang lại những kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên với xu hướng, sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, truyền thông hiện đại và thực tế chuyển đổi số quốc gia ngày càng mạnh mẽ hiện nay, công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước các cấp đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định gây cản trở, khó khăn trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Các tồn tại, hạn chế tập trung vào một số vấn đề, nhóm vấn đề chính như sau:

1. Vấn đề, nhóm vấn đề thuộc phạm vi quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

Vấn đề 1: Về xác định sơ bộ tổng mức đầu tư trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

a) Nội dung:

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định “việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư trong nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo phương pháp so sánh, hoặc phương pháp chuyên gia, hoặc theo báo giá thị trường, hoặc kết hợp các phương pháp, hoặc căn cứ theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được duyệt” (khoản 2 Điều 12).

Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể của từng phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư nêu trên.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng giao Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết về các phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Vấn đề 2: Về trách nhiệm của cơ quan, đơn vị liên quan

a) Nội dung:

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP chưa có quy định về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đề xuất, thực hiện dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm: Trách nhiệm của chủ đầu tư; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết, dự toán; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tư vấn; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Vấn đề 3: Về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Nội dung:

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

tin, đề cương nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin tại nhiều cơ quan, đơn vị chưa có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài trong việc xây dựng phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Dẫn tới, hầu hết các hệ thống thông tin sau khi đưa vào vận hành khai thác chưa đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung, làm rõ yêu cầu quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng khi thực hiện đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng các hệ thống thông tin trong các dự án đầu tư, nhiệm vụ mua sắm và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Đồng thời, quy định việc lập và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ được thực hiện đồng thời với việc phê duyệt dự án, đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin để cắt giảm quy trình, thủ tục, thời gian thực hiện dự án.

Vấn đề 4: Về mức kinh phí lập đề cương và dự toán chi tiết

a) Nội dung:

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định: “Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí **từ 200 triệu đồng trở xuống** để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu” thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm hàng hóa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị (khoản 1 Điều 51); và “Đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí **trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng** để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về **lập đề cương và dự toán chi tiết**” (khoản 2 Điều 51).

Tuy nhiên, từ thời điểm Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được ban hành, giá thị trường của thiết bị công nghệ thông tin đã có nhiều biến động và theo xu hướng cao lên. Theo đó, việc quy định mức kinh phí 200 triệu đồng đối với các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải/không phải lập đề cương và dự toán chi tiết là không còn phù hợp.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng sửa đổi giá trị tối

thiếu hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết.

Vấn đề 5: Về hướng dẫn chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư; xác định chủ đầu tư, thanh toán, quyết toán đối với các hoạt động mua sắm ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng

a) Nội dung:

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, đối với các hoạt động đầu tư, mua sắm ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu thì *“Chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư, xác định chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”*. Tuy nhiên Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn không có quy định cụ thể về *“chủ trương đầu tư”, “thẩm quyền quyết định đầu tư”, “xác định chủ đầu tư”*. Điều này dẫn tới các cơ quan gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng quy định rõ về các nội dung này.

Vấn đề 6: Về quy định chi tiết các phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Nội dung:

Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin được xác định theo một trong các phương pháp sau: Phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia, phương pháp lấy báo giá thị trường, phương pháp tính chi phí và kết hợp các phương pháp. Nghị định cũng đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một phương pháp là phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ (Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

Đối với các phương pháp khác (phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia, phương pháp lấy báo giá thị trường và kết hợp các phương pháp), Nghị định không có quy định hướng dẫn chi tiết. Dẫn tới, các cơ quan, đơn vị gặp khó khăn,

vướng mắc khi chọn các phương pháp khác.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định giao Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết về các phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Vấn đề 7: Về quyền sở hữu tài sản sau khi kết thúc quá trình thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Nội dung:

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định về quyền sở hữu thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ công nghệ thông tin (Điều 48); không có quy định về quyền sở hữu tài sản hình thành sau quá trình thuê dịch vụ công nghệ thông tin (phần mềm, hệ thống thông tin, ...). Dẫn tới, các cơ quan, doanh nghiệp lúng túng, vướng mắc trong việc bàn giao hay không bàn giao tài sản sau khi kết thúc quá trình thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định, hướng dẫn về việc bàn giao tài sản hình thành sau quá trình thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Vấn đề 8: Quản lý chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

a) Nội dung:

Hiện nay, pháp luật đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không có quy định về quản lý hoạt động tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (như quy định về chứng chỉ, chứng nhận hành nghề, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tư vấn cho các chiến lược, chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số,...).

Việc thiếu vắng các quy định này gây khó khăn cho các chủ đầu tư trong việc xác định chất lượng của nhà thầu tư vấn, đồng thời Chính phủ cũng chưa quản lý được hoạt động tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định về quản lý chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (như cách thức đánh giá kết quả tư vấn; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tư vấn đối

với các sản phẩm tư vấn; quy định về yêu cầu, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với chuyên gia tư vấn, đối với tổ chức tư vấn; cơ quan có thẩm quyền chứng nhận cá nhân, tổ chức đạt yêu cầu; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng liên quan, cơ quan giám sát thực hiện;...).

Vấn đề 9: Về phạm vi điều chỉnh đối với các nguồn vốn khác (nguồn thu được để lại của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn vốn của doanh nghiệp)

a) Nội dung:

Tại thời điểm xây dựng dự thảo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông đã bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước như: nguồn thu của đơn vị sự nghiệp theo quy định, vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, phạm vi điều chỉnh nêu trên là vượt quá nhiệm vụ Luật Công nghệ thông tin giao cho Chính phủ quy định (Khoản 2 Điều 62 Luật Công nghệ thông tin chỉ giao *Chính phủ ban hành quy chế quản lý đầu tư phù hợp đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước*). Do đó, phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP không điều chỉnh đối với các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước mà chỉ quy định khuyến khích các nguồn vốn khác áp dụng theo quy định tại Nghị định này (khoản 2 Điều 2).

Tuy nhiên, nhiều cơ quan, đơn vị đặc biệt là đơn vị có nguồn thu để lại đề mua sắm phục vụ các hoạt động thường xuyên đề nghị mở rộng phạm vi điều chỉnh của Nghị định để các cơ quan, đơn vị này có cơ sở để triển khai.

b) Phương án đề xuất:

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất không mở rộng phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đối với các nguồn vốn khác.

Vấn đề 10: Vấn đề liên quan đến định nghĩa, giải thích các thuật ngữ, từ ngữ trong Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

a) Nội dung:

Các vấn đề liên quan đến định nghĩa, giải thích các thuật ngữ, từ ngữ trong Nghị định số 73/2019/NĐ-CP còn thiếu hoặc chưa rõ ràng hoặc còn có cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị (như phần mềm nội bộ; phần mềm thương

mại; dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường; ...).

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng rà soát, bổ sung, sửa đổi, làm rõ các định nghĩa, giải thích từ ngữ.

Vấn đề 11: Các nhóm vấn đề liên quan đến các văn bản hướng dẫn Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

Các vấn đề liên quan đến văn bản hướng dẫn Nghị định số 73/2019/NĐ-CP gồm các Thông tư hướng dẫn, các văn bản hướng dẫn, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ được tổng hợp, xem xét sửa đổi (nếu cần thiết) và rà soát, bổ sung (nếu có) cho đồng bộ, thống nhất với nội dung Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

Vấn đề 12: Về rà soát các văn bản quy định liên quan đến chi ứng dụng công nghệ thông tin

a) Nội dung:

Theo kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương, hệ thống các văn bản quy định liên quan đến chi ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay cần thiết phải được rà soát, đánh giá, phát hiện và xử lý các quy định trùng lặp, chồng chéo (các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mức chi ứng dụng công nghệ thông tin đã được ban hành trước đây nhưng chưa bị bãi bỏ (*Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT*), các Thông tư, văn bản quy định về định mức tạo lập cơ sở dữ liệu do các Bộ ban hành (*Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT*, *Thông tư số 04/2014/TT-BNV*);...).

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc ban hành hướng dẫn chi sự nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số; quy định trách nhiệm của các bộ chuyên ngành trong việc ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật trong ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực.

Vấn đề 13: Về lựa chọn nhà thầu gói thầu mua phần mềm

a) Nội dung:

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định chi phí mua sắm phần mềm thương

mại, phần mềm nội bộ thuộc chi phí mua sắm **thiết bị** công nghệ thông tin.

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 quy định hàng hóa gồm máy móc, **thiết bị**, nguyên liệu, nhiên liệu, ... (khoản 25 Điều 4). Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 mới ban hành cũng quy định “**thiết bị**” là hàng hóa.

Như vậy, theo các quy định trên thì gói thầu mua phần mềm là gói thầu **mua sắm hàng hóa**.

Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn về việc gói thầu mua phần mềm có sẵn trên thị trường là gói thầu mua sắm hàng hóa; gói thầu thuê tổ chức, chuyên gia để xây dựng, phát triển một phần mềm theo yêu cầu của bên mời thầu là gói thầu dịch vụ tư vấn². Đối chiếu ý kiến trả lời của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các quy định về phần mềm thương mại và phần mềm nội bộ tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP thì gói thầu mua phần mềm thương mại là gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu mua phần mềm nội bộ là gói thầu dịch vụ tư vấn. Như vậy, các quy định pháp lý và hướng dẫn thực hiện đang có sự khác nhau.

Bên cạnh đó, mặc dù phần mềm nội bộ là thiết bị, nhưng việc xây dựng, phát triển phần mềm nội bộ đòi hỏi đội ngũ chuyên gia có kỹ thuật, kinh nghiệm. Do vậy, nếu sử dụng mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa cho phần mềm nội bộ là chưa hoàn toàn phù hợp (thiếu các yêu cầu về chuyên gia như trong mẫu hồ sơ mời thầu tư vấn).

b) Phương án đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và truyền thông xây dựng mẫu hồ sơ mời thầu riêng đối với phần mềm nội bộ.

2. Vấn đề, nhóm vấn đề không thuộc phạm vi quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

Vấn đề 1: Về thủ tục để phân bổ vốn đầu tư công

a) Nội dung:

Đặc thù dự án công nghệ thông tin là công nghệ liên tục thay đổi với tốc độ rất nhanh, trong khi các vấn đề thực tiễn cần giải quyết bằng công nghệ thông tin

² Gói thầu mua phần mềm là dịch vụ tư vấn hay mua sắm hàng hóa? (chinhphu.vn)

cũng đòi hỏi phải kịp thời mới phát huy tối ưu hiệu quả.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công thì thời gian từ khi chuẩn bị đầu tư dự án cho đến khi được cấp vốn để triển khai thường mất tối thiểu 1-2 năm để thực hiện các thủ tục sau: (1) Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; (2) Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; (3) Tổng hợp, trình Chính phủ, Quốc hội đưa vào trung hạn; (4) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án; (5) Bố trí kinh phí để thực hiện; (6) Tổ chức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu) để triển khai.

Đồng thời, có nhiều trường hợp vốn phân bổ không đủ, vốn được cấp hàng năm trong nhiều năm, dẫn đến việc đầu tư bị kéo dài, thậm chí không đồng bộ do công nghệ đã lạc hậu.

b) Phương án đề xuất:

Vấn đề này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Để giải quyết vấn đề, cần có văn bản cấp Luật quy định cơ chế đặc thù cho dự án công nghệ thông tin bảo đảm rút ngắn được quy trình, thời gian từ khi lập chủ trương đầu tư đến khi được cấp vốn phù hợp với vòng đời công nghệ. Đồng thời cần quy định bố trí vốn đủ cho hệ thống để tránh đầu tư kéo dài, dẫn tới hệ thống không bảo đảm hoạt động đồng bộ như thiết kế ban đầu.

Vấn đề 2: Về phí thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thẩm định đề cương và dự toán chi tiết, thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Nội dung:

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 quy định danh mục phí thẩm định dự án đầu tư gồm: phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở, phí thẩm định thiết kế kỹ thuật và phí thẩm định dự toán xây dựng và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về các loại phí này, không bao gồm phí thẩm định đề cương và dự toán chi tiết, thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng kinh phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán

xây dựng thì các loại phí trên đều thuộc phí phải thu của dự án đầu tư xây dựng công trình. Việc thu phí thẩm định dự án, phí thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đang vận dụng theo các quy định trên của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc vận dụng này tùy từng cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được, đặc biệt khó thu phí thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin thực hiện.

Đối với phí thẩm định đề cương và dự toán chi tiết, thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin, do không có trong danh mục phí và lệ phí nên không có cơ sở để thu các loại phí này.

b) Phương án đề xuất:

Vấn đề này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Để giải quyết vấn đề, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất sửa đổi, bổ sung danh sách phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí.

Vấn đề 3: Về bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện kéo dài trong nhiều năm

a) Nội dung:

Theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, thời gian thuê dịch vụ công nghệ thông tin phải đủ dài (từ 01 năm trở lên và không quá 05 năm) nhằm bảo đảm sự ổn định, liên tục, hiệu quả của việc khai thác, sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Đấu thầu quy định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập trên căn cứ về nguồn vốn, dự toán mua sắm thường xuyên được phê duyệt. Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước không có cơ chế giao dự toán trên 1 năm đến 5 năm mà chỉ thực hiện theo niên độ ngân sách 01 năm. Do đó việc lập và phê duyệt đối với nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin với thời hạn trên 01 năm đến 05 năm không có cơ sở thực hiện.

Hiện tại, Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 của Luật Đấu thầu đã có quy định hướng dẫn được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp lựa chọn nhà thầu để cung cấp một số dịch vụ cần cam kết lâu dài với nhà cung cấp (nhiều hơn 1 năm) như: Dịch vụ thuê đường truyền, nhà trạm; thuê hạ tầng kỹ thuật; thuê phần mềm; thuê tên miền, máy chủ và dịch vụ lưu trữ dữ liệu điện tử;

dịch vụ hỗ trợ bảo hành, vận hành hệ thống phần cứng, phần mềm, dịch vụ hỗ trợ người dùng (call center), ... Đây là căn cứ để các cơ quan, đơn vị thực hiện lập và phê duyệt các nhiệm vụ sử dụng kinh phí chi thường xuyên có thời gian thực hiện trên 01 năm.

Luật Đầu thầu 22/2023/QH15 mới được ban hành, có hiệu lực từ 2024 cũng đã quy định tại Điều 39 về nguồn vốn trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo”. Tuy nhiên, quy định này cũng chưa rõ ràng về việc bố trí vốn cho hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ 01 năm trở lên.

b) Phương án đề xuất:

Vấn đề này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Để giải quyết vấn đề trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp lựa chọn nhà thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm; Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất cơ chế tài chính mới về thuê dịch vụ công nghệ thông tin (theo Thông báo kết luận số 238/TB-VPCP ngày 22/6/2023 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành cơ chế tài chính mới về thuê dịch vụ công nghệ thông tin).

Vấn đề 4: Về kinh phí duy trì, vận hành, bảo trì sản phẩm của dự án sau đầu tư

a) Nội dung:

Sản phẩm của các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sau khi đầu tư (hệ thống hạ tầng kỹ thuật, máy móc, thiết bị công nghệ thông tin, nền tảng số) cần được khai thác, vận hành, duy trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa nhằm đạt được hiệu quả đầu tư.

Kinh phí cho các hoạt động này được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước (chủ yếu là kinh phí quản lý hành chính) bố trí cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng sản phẩm dự án.

Theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, các khoản chi thanh toán chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công

trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn nằm trong định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế. Do vậy, nếu sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên do ngân sách nhà nước phân bổ (theo định mức biên chế) để duy trì, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, nền tảng số đã được đầu tư thì sẽ không đủ, không khả thi dẫn tới sản phẩm của dự án sau đầu tư bị hoạt động gián đoạn, không đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư.

b) Phương án đề xuất:

Khoản 3 Điều 81 Luật Đầu tư công đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ quan tài chính của địa phương cân đối kinh phí thường xuyên để thanh toán các chi phí bảo trì, vận hành dự án đưa vào sử dụng. Do vậy, đề xuất Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính khẩn trương thực hiện trách nhiệm được giao.

Bên cạnh đó, để giải quyết triệt để vấn đề, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất Chính phủ giao Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về kinh phí duy trì, vận hành, bảo trì sản phẩm của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sau đầu tư.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá kết quả tổng kết thực thi Nghị định nêu trên, để tạo nền tảng cho phát triển chính phủ điện tử hướng đến chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan lập đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP trình Chính phủ bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau:

Một là, bổ sung, quy định rõ để giải quyết một số vấn đề vướng mắc theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp bảo đảm kịp thời điều chỉnh những thay đổi của công nghệ và yêu cầu thực tế trong chuyển đổi số.

Hai là, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan như: Luật Đấu thầu, Luật Giao dịch điện tử, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công sửa đổi, bổ sung ... trên cơ sở kế thừa, phát triển các quy phạm pháp luật còn phù hợp tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

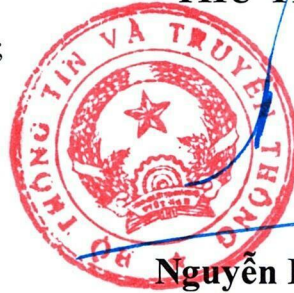
Ba là, bảo đảm quy trình lập đề nghị xây dựng, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP thực hiện theo trình tự đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các đề xuất, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, CĐSQG (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng